

Quy ch 3477, ng th i khai báo b n cam k t theo m u nêu t i Ph 1 c 3 c a Quy ch này.

- Ch th c hi n ch bi n nguyên li u nh p kh u có y gi y ch ng nh n khai thác h p pháp và áp ng Quy nh IUU do C quan th m quy n n c xu t kh u c p xu t kh u vào EU.

- Ch ng liên h v i nhà nh p kh u EU có nh ng yêu c u c th v ch ng nh n khai thác theo Quy nh IUU kèm theo lô hàng xu t kh u vào EU sau khi quy nh này có hi u l c.

- Rà soát, th ng kê chính xác kh i l ng nguyên li u, thành ph m có ngu n g c th y s n khai thác thu c i t ng ph i th c hi n quy nh IUU hi n ang c b o qu n t i doanh nghi p và d ki n xu t kh u vào EU sau ngày 1/1/2010 theo m u nêu t i Ph 1 c 2; g i v C c và Trung tâm CL NLTS vùng ph trách t i a bàn tr c ngày 20/12/2009 t ng h p g i C quan th m quy n EU. Sau th i h n nêu trên n u doanh nghi p không g i s li u th ng kê nêu trên, khi phát sinh v ng m c trong vi c xu t kh u các lô hàng sau th i i m quy nh IUU có hi u l c, doanh nghi p ph i t ch u trách nhi m gi i trình v i C quan th m quy n EU.

2. Các Trung tâm Ch t l ng Nông lâm th y s n vùng 1-6:

- Ph bi n, h ng đ n các doanh nghi p ch bi n th y s n xu t kh u vào EU thu c a bàn qu n lý v vi c th t c ng ký, ki m tra và xác nh n i v i lô hàng th y s n ch bi n t nguyên li u th y s n khai thác nh p kh u theo úng Quy ch 3477 và h ng đ n n t s n i dung c a quy nh IUU nêu t i Ph 1 c 1.

- Th c hi n ki m tra s phù h p thông tin trong gi y ch ng nh n khai thác kèm theo lô nguyên li u nh p kh u i v i lô hàng ng ký xu t kh u vào EU, h s s n xu t lô hàng v i các thông tin trong Gi y cam k t do doanh nghi p khai báo làm c s cho vi c th c hi n xác nh n theo Kho n 5, i u 9 c a Quy ch 3477.

- T ng h p s li u th ng kê do các doanh nghi p thu c a bàn qu n lý th c hi n theo yêu c u nêu t i M c 1 theo m u nêu t i Ph 1 c 3, g i v C c tr c ngày 25/12/2009, ng th i g i qua ng Email b ng file excel t i a ch : vutrong.nafi@mard.gov.vn.

Trong quá trình tri n khai th c hi n các n i dung nêu trên, ngh các n v k p th i báo cáo các khó kh n, v ng m c v C c c ph i h p gi i quy t.

Yêu c u các n v th c hi n.

N i nh n:

- Nh trên;
- Th tr ng L ng Lê Ph ng (b/c);
- PCT ph trách (b/c);
- PCT Tr n Bích Nga;
- C quan QLCL NLTS Trung b , Nam b ;
- VASEP;
- L u VT, KHTH, CL.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lê Bá Anh

Ph 1 c 1.

(ban hành kèm theo công v n s : 2269/QLCL-CL1 ngày 11 tháng 12 n m 2009)

M T S THÔNG TIN NG D N TH CHI N QUY NH IUU C A EC KHI XU T KH U LÔ HÀNG TH Y S N CÓ NGU NG C KHAI THÁC SAU NGÀY 01/01/2010

tri n khi th c hi n Quy nh IUU, ngày 22/10/2009 y ban Châu Âu (EC) ã ban hành Quy nh chi ti t k thu t EC s 1010/2009, bao g m n i dung sau:

Thông báo tr c khi c p c ng, th y s n chuy n t i trên bi n và lô hàng nh p kh u (i u 1, 2);

Khi báo khi c p c ng và th y s n chuy n tr i trên bi n (i u 3);

Tiêu chí thanh tra t i c ng (i u 4, 5);

Ho t ng ch ng nh n đ n gi n hóa i v i s n ph m th y s n v i nh ng c i m c bi t (ch ng nh n th y s n khai thác t các tàu cá nh , i u 6)

Danh sách h th ng ch ng nh n khai thác c a các t ch c qu n lý ngh cá vùng c th a nh n (i u 7);

Th i h n n p gi y ch ng nh n khai thác (i u 8);

Công nh n t ch c th ng m i (i u 9-30);

Tiêu chí qu n lý r i ro khi xác nh n liên quan n gi y ch ng nh n khai thác (i u 31, 32);

H p tác qu n lý v i n c th 3 v ch ng nh n khai thác (i u 33);

Báo cáo (i u 34);

H tr l n nhau (i u 35 – 52);

S a i danh m c th y s n không thu c ph m vi i u ch nh c a Quy nh IUU (i u 53).

(nguyên b n quy nh EC s 1010/2009 xem t i a ch website c a EC: http://ec.europa.eu/fisheries/cfp/external_relations/illegal_fishing_en.htm)

Trên c s biên d ch m t s n i dung liên quan trong S tay h ng d n th c hi n Quy nh IUU c a EC c ng t i trên a ch website nêu trên, C c Qu n lý Ch t l ng Nông lâm s n và Th y s n l u ý m t s n i dung sau:

Ph n 1. M t s câu h i liên quan n th c hi n quy nh IUU:

Câu h i 1: Quy nh IUU có áp d ng i v i th y s n c khai thác tr c ngày 01/01/2010

Tr l i: Không, ph m vi áp d ng c a Quy nh IUU không áp d ng i v i th y s n khai thác tr c ngày 01/01/2010. Các s n ph m t th y s n khai thác nêu trên không c n gi y ch ng nh n khai thác khi c nh p kh u vào EU sau ngày 01/01/2010. EC ã nh n th c c r ng trong th c t nguyên li u c s đ ng ch bi n s n ph m có th c b o qu n trong m t th i gian nh t nh, và tùy thu c vào nhi u y u t khác tr c khi c xu t kh u sang EC. Không có th i h n c th ho c chu k chuy n ti p b t bu c áp d ng khi quy nh IUU có hi u l c, i v i t t c các s n ph m u có s i s nh nhau. N u khai báo sai ho c vi ph m theo quy nh IUU b phát hi n, nhà nh p kh u t i EU s ph i ch u trách nhi m chính trong các vi ph m này. tránh b t k s c n tr trong các công o n c a quá trình

nh p kh u, các lô hàng nêu trên c n thi t kèm theo tài li u phù h p ch ng minh nguyên li u c khai thác tr c ngày 01/01/2010 t i C quan th m quy n EU khi nh p kh u vào lãnh th c a EU

Câu h i 2. C s nào nh ng s n ph m không thu c ph m vi áp d ng c a Quy nh IUU theo Ph l c I (ã c biên d ch và quy nh trong Ph l c I Quy ch 3477) ?

Tr l i: S n ph m th y s n c lo i tr kh i ph m vi c a Quy nh IUU theo Ph l c I n u nó không c ánh b t t bi n ho c không có t m quan tr ng trong bi n pháp qu n lý và b o t n và th ng m i v i EC.

Câu h i 3: Doanh nghi p ch bi n có th hoàn thành khai báo theo Ph l c IV c a Quy nh IUU (B n cam k t s n ph m th y s n ch bi n t nguyên li u nh p kh u theo Ph l c 3 c a Quy ch 3477) n u h s d ng t m t vài loài th y s n khác nhau t các gi y ch ng nh n khai thác khác nhau khi ch bi n xu t kh u?

Tr l i: Trong tr ng h p này, t t c các loài th y s n và gi y ch ng nh n khai thác ph i c khai báo trong B n cam k t theo m u t i Ph l c IV. B ng thông tin trong m u bi u có th c m r ng th c hi n vi c khai báo nêu trên.

Câu h i 4. C quan th m quy n có th ch ng th c b n cam k t theo m u t i Ph l c IV theo cách t ng t khi ban hành gi y ch ng nh n v sinh an toàn th c ph m?

Tr l i: Vi c này tùy thu c vào c c u t ch c c a t ng qu c gia, tuy nhiên ph i là c quan th m quy n có trách nhi m giám sát vi c nh p kh u nguyên li u ch bi n và tái xu t.

Câu h i 5. Ph i làm gì n u m t lô hàng bao g m các s n ph m c ch bi n th y s n khai thác nh p kh u t m t s c s s n xu t khác nhau?

Tr l i: M i m t c s s n xu t ph i th c hi n khai báo b n cam k t theo m u t i Ph l c IV c a Quy nh IUU.

Câu h i 6. Gi y ch ng nh n khai thác có th c chuy n t i b ng ph ng ti n i n t không?

Tr l i: Có, Gi y ch ng nh n khai thác có th g i theo ng b u chính ho c theo ph ng ti n i n t (gi a nhà xu t kh u và nhà nh p kh u) c quy nh t i i u 12 (4) c a Quy nh IUU. Vi c s d ng ph ng ti n i n t b i c quan th m quy n n c th ba ph i thông báo t i y ban Châu Âu.

Câu h i 7. Gi y ch ng nh n khai thác ph i kèm theo s n ph m th y s n gi ng nh gi y ch ng th hay không?

Tr l i: Không, Gi y ch ng nh n khai thác ch a các thông tin v s n ph m, nh ng nó không i kèm theo s n ph m. i u c n thi t là nó ph i cung c p cho c quan th m quy n các n c EU **tr c 3 ngày khi lô hàng c p c ng c a EU**. Th i h n ng nh n i v i s n ph m n EU khi s n ph m c v n chuy n b i các ph ng ti n khác không ph i là tàu bi n, quy nh này c nêu t i Quy nh EC s 1010/2009

Câu hỏi 8. Sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ nuôi trồng hoặc các sản phẩm không thu hoạch từ vùng biển của Quy Nhơn IUU có cần thị trường kèm theo các giấy tờ nào không?

Trả lời: Không có bất kỳ giấy tờ nào yêu cầu từ vùng biển sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ nuôi trồng hoặc các sản phẩm không thu hoạch từ vùng biển của Quy Nhơn IUU theo phụ lục I (các biên dịch thành quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại Phụ lục 1 Quy định 3477). Tuy nhiên, thị trường 3 có xu hướng sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ nuôi trồng của Ủy ban Châu Âu yêu cầu cung cấp tất cả các thông tin hỗ trợ quan trọng quy định EU nhằm phân biệt sản phẩm nuôi trồng từ vùng biển thu hoạch sản phẩm ở vùng biển sản phẩm của ảnh hưởng tự nhiên mà nó thu hoạch danh mục vùng biển của Quy Nhơn Quy Nhơn IUU. Tuy nhiên, các thông tin nhận được từ thị trường 3 chỉ là tham vấn mà không có quy định bắt buộc, do đó nó chỉ có thể được làm thông tin hỗ trợ khi cần quan trọng quy định EU thẩm tra hoặc ngừng khai thác.

Câu hỏi 9. Những sản phẩm quá mức của EU mà không có tiêu chuẩn tiếp thị EU có phải kèm theo giấy chứng nhận khai thác không?

Trả lời: Không, chứng nhận sản phẩm của nhập khẩu vào EU miễn phí kèm theo giấy chứng nhận khai thác, các sản phẩm quá mức của EU không áp dụng Quy định Quy Nhơn IUU.

Câu hỏi 10. Bằng cách nào nhà nhập khẩu mới có chứng nhận khai thác các quan trọng quy định của xu hướng?

Trả lời: Vai trò của nhà nhập khẩu là mở rộng sản phẩm nhập khẩu kèm theo giấy chứng nhận khai thác và hồ sơ có thể chứng minh các yêu cầu. Thông tin về quan trọng quy định của hiện tại giấy chứng nhận khai thác của công bố bởi Ủy ban Châu Âu và dành cho nhà nhập khẩu có thông tin. Khi Giấy chứng nhận khai thác của ban hành phù hợp với lô hàng, nhà nhập khẩu lô hàng phải có giấy tờ bằng chứng nộp cho quan trọng quy định EU. Trong trường hợp, lô hàng của sản xuất từ các khác không phải là của xu hướng, nhập khẩu sao các giấy chứng nhận khai thác của giấy kèm theo bản cam kết các sản phẩm lô hàng của toàn bộ khối lượng nguyên liệu không có thể được chấp nhận lô hàng. Nhà nhập khẩu phải ghi các bản sao giấy chứng nhận khai thác đó và có thể ngừng quan trọng quy định EU sẽ yêu cầu bằng chứng.

Câu hỏi 11. Thời hạn nào cho việc nộp giấy chứng nhận khai thác?

Trả lời: **Giấy chứng nhận khai thác của lô hàng (trên tàu biển) của vận chuyển bằng tàu biển phải nộp trước 3 ngày khi lô hàng của vận chuyển** của vận chuyển bằng hàng không hoặc bất kỳ phương tiện khác ngoài tàu biển sẽ được xem xét theo Quy định IUU và thời hạn phải nộp giấy chứng nhận khai thác của quy định trong Quy định 1010/2009. Giấy chứng nhận khai thác cho lô hàng vận chuyển bằng máy bay, nhập khẩu hàng hóa phải nộp trong vòng 2-4 giờ mà phù hợp với thời hạn cho việc khai báo nhập khẩu.

Câu hỏi 12. Các quan trọng quy định EU thực thể thẩm tra giấy chứng nhận khai thác của khu vực nhập khẩu như thế nào?

Tr 1 i: M i m t gi y ch ng nh n khai thác, ch ng nh n tái xu t ho c các gi y t liên quan khi c n p. Chúng có th c th m tra b i c quan th m quy n EU n u th y c n thi t, d a trên qu n lý r i ro ho c ng u nhiên. Vi c th m tra có th bao g m ki m tra s n ph m th y s n, d li u khai báo và tính xác th c c a các gi y t , ki m tra ph ng ti n v n chuy n, b o qu n. Ph c v cho vi c th m tra, C quan th m quy n EU có th ngh c quan th m quy n các n c c p gi y ch ng nh n khai thác ho c n c xu t kh u khi h nghi ng v tính xác th c c a gi y ch ng nh n ho c s phù h p c a thông tin ch ng nh n liên quan bi n pháp qu n lý và b o t n th y s n.

Câu h i 13. X lý nh th nào i v i lô hàng bao g m nhi u loài th y s n trong m t gi y ch ng nh n khai thác?

Tr 1 i: M t gi y ch ng nh n khai thác nên c yêu c u t nhà xu t kh u trong m t lô hàng, có ngh a là n u có nhi u h n l loài th y s n trong 1 lô hàng ghép c ch ng nh n m t gi y ch ng nh n khai thác c p cho 1 tàu cá, m t gi y ch ng nh n có th c s d ng cho các loài th y s n khác nhau.

Câu h i 14. Gi y ch ng nh n khai thác ph i ghi nh th nào trong tr ng h p 1 lô hàng ghép t m t vài s n ph m có gi y ch ng nh n khai thác khác nhau?

Tr 1 i: Gi y ch ng nh n khai thác c c p xác nh n th y s n c khai thác t tàu cá và xu t kh u vào EU trong m t lô hàng. N u lô hàng ó c g h p t nhi u s n ph m có nhi u gi y ch ng nh n khai thác khác nhau t các tàu cá khác nhau thì m i gi y ch ng nh n cho nguyên li u s n xu t cho s n ph m ó ph i c g i kèm.

Câu h i 15. V n gì x y ra n u m t lô hàng c bán cho các nhà nh p kh u khác nhau ho c c chia ra sau khi nh p kh u vào n c th 3 và bán cho các nhà ch bi n khác nhau?

Tr 1 i: Trong tr ng h p này, vi c n p gi y ch ng nh n khai thác s ph thu c vào vi c ph ng th c th ng m i theo cách thông th ng. Ngay t khi b t u có ý nh th ng m i, nhà xu t kh u chia lô hàng và bán chúng cho các nhà nh p kh u khác nhau, anh ta có th ngh c p gi y ch ng nh n khai thác cho m i lô hàng t ng ng. N u vi c bán cho các nhà nh p kh u khác nhau x y ra sau, nhà xu t kh u có th cung c p b n sao c a gi y ch ng nh n lô hàng g c cho t ng nhà nh p kh u. Khi gi y t liên quan n quá trình v n chuy n lô hàng c xác nh chính xác và không có s l n l n c t o ra i v i ph m vi áp d ng c a gi y ch ng nh n khai thác. N u m t nhà nh p kh u n c th 3 chia lô hàng bán t i các nhà ch bi n khác nhau, anh ta c ng ph i cung c p b n sao c a gi y ch ng nh n khai thác t i khách hàng c a mình kèm theo nh ng thông tin b sung v kh i l ng bán theo quy nh t i i u 14(10)(b) c a Quy nh IUU

Câu h i 16: i u gì s x y ra n u ch m t ph n s n ph m th y s n c nêu trong gi y ch ng nh n khai thác c xu t kh u?

Tr 1 i: Gi y ch ng nh n khai thác th ng i chi u v i m t ph n kh i l ng ánh b t và c xu t kh u vào EU. Gi y ch ng nh n ánh b t ch ra kh i l ng t ng c ng th y s n khi c p c ng nh ng ph i c nhà xu t kh u khai báo và xác nh n ch m t ph n c xu t kh u. Nhà xu t kh u ph i yêu c u ch tàu ho c i di n c a tàu khai báo trong n i dung t ng ng trong gi y ch ng nh n thông tin v tàu và ho t ng khai thác, bao g m kh i l ng th y s n c p c ng cho t ng loài th y s n xu t kh u

Câu hỏi 17. Các sản phẩm có bản sao của giấy chứng nhận sản xuất lô hàng được chia khi xuất khẩu:

Trả lời: Liên quan đến nghĩa lô hàng từ Điều 2(23) của Quy định IUU, miễn là chuyển hàng từ một nhà xuất khẩu từ một nhà nhập khẩu được coi là 1 lô hàng. Tất cả sản phẩm thay thế của trong lô hàng đó nếu thu được phần vì điều chỉnh của Quy định IUU thì phải có một hồ sơ ghi ý chứng nhận khai thác phần thu được vào sổ đăng tàu cá cùng cơ sở nguyên liệu cho sản xuất lô hàng đó. Các sản phẩm chuyển nguyên liệu nhập khẩu từ các nước khác được xuất khẩu từ EU trong các lô hàng khác nhau, bản sao giấy chứng nhận gốc phải kèm theo trong Bản cam kết theo Phần IV Quy định Quy định IUU. Mọi đăng ký sản phẩm khai thác được sản xuất chuyển cho lô hàng phải có cam kết, do vậy việc thể hiện thẩm tra, xác nhận các quan thẩm quyền mở đơn đăng ký khai thác sản phẩm của lô nguyên liệu nhập khẩu từ các nước khác không bắt buộc.

Câu hỏi 18. Sản phẩm nào nếu việc chuyển lô hàng từ nguyên liệu khai thác trong nước và bao gồm nguyên liệu nhập khẩu xuất khẩu vào EU?

Trả lời: Sản phẩm thay thế của chuyển nguyên liệu khai thác trong nước phải có giấy chứng nhận khai thác (nêu rõ tàu cá, mã sản phẩm, tên loài thủy sản). Phải hài hòa và đồng nhất về quy định, sản phẩm chuyển nguyên liệu nhập khẩu phải bao gồm bản cam kết của nhà chuyển đổi kèm theo việc xác nhận các quan thẩm quyền và bản sao giấy chứng nhận khai thác của lô nguyên liệu nhập khẩu sản xuất từ các sản phẩm đó.

Câu hỏi 19. Bản sao giấy chứng nhận khai thác có cần phải chứng minh không?

Trả lời: Không, nhưng bản sao của giấy chứng nhận khai thác không cần phải chứng minh. Tuy nhiên, tất cả các thông tin trong giấy chứng nhận bao gồm các quan chức nhận, chuyển ký và đăng ký có khả năng nhìn rõ thông tin bằng mắt.

Câu hỏi 20. Vấn đề gì xảy ra trong những trường hợp một lô hàng bao gồm nhiều sản phẩm có những giấy chứng nhận khai thác khác nhau mà chỉ một trong số bất kỳ một sản phẩm nào? Việc nhập khẩu toàn bộ lô hàng sẽ bị chuyển đổi hay chỉ một phần mà nó không có giấy chứng nhận khai thác?

Trả lời: Nếu lô hàng bao gồm nhiều giấy chứng nhận khai thác khác nhau, việc nhập khẩu sẽ bị chuyển đổi nếu việc nhập khẩu sản phẩm thay thế nào không có giấy chứng nhận khai thác, trừ khi việc phát hiện trong quá trình kiểm tra của Cơ quan thẩm quyền EU dẫn đến quy định cụ thể cùng liên quan đến toàn bộ lô hàng bị chuyển đổi nhập khẩu (ví dụ: nếu giấy chứng nhận khai thác không thể hiện đăng ký thông tin...).

Câu hỏi 21. Tất cả sản phẩm thay thế nhập khẩu có phải yêu cầu giấy chứng nhận khai thác?

Trả lời: Các sản phẩm chuyển nhập khẩu từ các nước khác từ các xuất khẩu vào EU phải kèm theo giấy chứng nhận khai thác và các giấy tờ kèm theo chứng minh rằng sản phẩm chuyển đổi qua thể hiện bất kỳ một thời gian nào ngoài việc bị chuyển đổi hoặc bị chuyển đổi về nguyên liệu của sản phẩm chuyển đổi nguyên liệu của nó (Điều 14(1) Quy định IUU). Trong trường hợp chuyển đổi từ các xuất khẩu thì sản phẩm phải kèm theo bản cam kết theo Phần IV và giấy chứng nhận khai thác do các quan thẩm quyền nước xuất khẩu cấp. Nhà nhập khẩu của các thể chế 3 phần mở rộng của giấy chứng nhận khai thác bằng các khi nhập khẩu mà sau đó sản phẩm được xuất khẩu sang EU.

Ph n 2. Khai báo thông tin trong b n cam k t theo m u t i Ph l c 3 ban hành kèm theo Quy ch 3477 i v i lô hàng th y s n có ngu n g c t th y s n khai thác nh p kh u

L u ý chung: B n cam k t lô hàng th y s n có ngu n g c t th y s n khai thác nh p kh u ph i c doanh nghi p ch bi n lô hàng khai báo và óng d u xác nh n.

1. H ng d n khai báo thông tin.

M c 1. Mô t s n ph m và mã s thu s n ph m theo quy nh h i quan c a EU (Combined Nomenclature-CN)

Tham kh o b ng danh m c CN c y ban Châu Âu c p nh t và ban hành t i Quy nh EC s 948/2009 ngày 30/9/2009, danh m c CN i v i th y s n và s n ph m th y s n có th xem trên website c a C c theo a ch : <http://www.nafiqad.gov.vn>.

M c 2. Các thông tin khai báo t i b ng thông tin v nguyên li u nh p kh u ch bi n: đ a trên thông tin t các gi y ch ng nh n khai thác do C quan th m quy n n c xu t kh u c p cho lô nguyên li u nh p kh u ch bi n và thông tin th c t s n xu t lô hàng c a doanh nghi p.

M c 3. Xác nh n c a doanh nghi p ch bi n lô hàng: Lãnh o doanh nghi p ch bi n ho c ng i i di n có th m quy n c a doanh nghi p th c hi n ký tên óng d u.

2. Th c hi n xác nh n:

- Vi c th c hi n xác nh n b n cam k t ch hoàn thành khi có y thông tin v gi y ch ng th v sinh c p cho lô hàng. Do ó, các Trung tâm CL NLTS vùng 1-6 thu c C c s th c hi n xác nh n cho B n cam k t ngay khi ban hành Gi y ch ng th kèm theo lô hàng.

- Cách ánh s gi y xác nh n phù h p v i s gi y ch ng th c p cho lô hàng và thêm ký hi u: -XN, ví d : S gi y ch ng th c p cho lô hàng là YD92144/09/CH thì s gi y xác nh n s là : YD92144/09/CH-XN.

- B n xác nh n cam k t c n c l p 02 b n, b n g c g i tr cho doanh nghi p ch hàng, 01 b n l u t i Trung tâm vùng có kèm theo b n photo các gi y ch ng nh n khai thác c a lô hàng nguyên li u nh p kh u ph c v cho vi c gi i trình v i C quan th m quy n EU.

Ph 1 c 2.

(ban hành kèm theo công v n s : 2269/QLCL-CL1 ngày 11 tháng 12 n m 2009)

TÊN DOANH NGHIỆP CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
cl p - T do - H nh phúc

S :.....

....., ngày tháng n m

Kính g i:

- C c Quản lý Ch t l ãng Nông lâm s n và Th y s n
- Trung tâm Ch t l ãng nông lâm th y s n vùng.....

Sau khi tiến hành rà soát t i doanh nghiệp theo yêu c u t i Công v n s : 2269/QLCL-CL1 ngày 11/12/2009, doanh nghiệp chúng tôi xin báo cáo th ãng kê nguyên li u, thành ph m có ngu n g c t th y s n khai thác thu c ãi t ãng ph i th c h i n Quy nh IUU đ k i n ch b i n x u t kh u vào EU sau ngày 01/01/2010 nh ãu:

1. Nguyên li u ch b i n:

TT	Tên loài th y s n	Kh i l ãng (kg)	Xu t x vùng khai thác/N c x u t kh u ãi v i nguyên li u nh p kh u	Ghi chú
A. Nguyên li u khai thác trong n c				
1.			
B. Nguyên li u khai thác nh p kh u				
1.			

2. S n ph m thành ph m

TT	Tên khoa h c c a s n ph m	Kh i l ãng (kg)	(*) Mô t s n ph m	Xu t x vùng khai thác/N c x u t x nguyên li u nh p kh u
A. Ch b i n t nguyên li u khai thác trong n c				
1.			
B. Ch b i n t nguyên li u nh p kh u				
1.			

Doanh nghiệp cam k t ch u trách nhi m v s chính xác các s li u th ãng kê báo cáo nêu trên.

Ghi chú: ãi v i s n ph m c s n x u t t ãnh ãi loài th y s n khác nhau c n li t kê ãi tên khoa h c

(*) Ghi quy cách óng gói c a s n ph m.

GIÁM C
(ký tên, óng d u)

Ph 1 c 3.

(ban hành kèm theo công v n s : 2269/QLCL-CL1 ngày 11 tháng 12 n m 2009)

**TH NG KÊ NGUYÊN LI U, THÀNH PH M TH Y S N C Ó NGU NG C
T KHAI THÁC C A CÁC DOANH NGHIỆP
(Trung tâm Ch t l ãng nông lâm th y s n vùng.....)**

1. Nguyên li u khai thác:

TT	Mã s doanh nghiệp	Tên khoa h c loài th y s n	Kh i l ãng (kg)	Xu t x vùng khai thác/N c xu t kh u i v i nguyên li u nh p kh u	Ghi chú
A. Nguyên li u khai thác trong n c					
1.				
B. Nguyên li u khai thác nh p kh u					
1.				

2. S n ph m thành ph m

TT	Mã s doanh nghiệp	Tên khoa h c c a s n ph m	Kh i l ãng (kg)	Xu t x vùng khai thác/N c xu t kh u i v i nguyên li u nh p kh u	Mô t s n ph m
A. Ch bi n t nguyên li u khai thác trong n c					
1.				
B. Ch bi n t nguyên li u khai thác nh p kh u					
1.				